

BẢNG PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

Thực hiện từ ngày 06 tháng 9 năm 2024

TT	Giáo viên	Kiểm nhiệm	CN	Phân công chuyên môn	Số tiết	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hải Đăng	TTCM=3t, ĐT 9	8C1	Toán 8C1,9D2 = 8 tiết; TN,HN 8C1 = 3 tiết	19	
2	Lê Viết Cường	TP = 1tiết,TTND=2t		Toán 7B1,B2,8C5 = 12 tiết; TN,HN 7B1 = 3 tiết;	18	
3	Nguyễn Hải Yến		6A3	Toán 6A3, 9D3,4= 12 tiết; Tin học 7B1,2=2t	18	
4	Nguyễn Thị Nguyệt		6A2	Toán 6A2,8C4 = 8 tiết; HĐTN,HN 6A2= 3 tiết, Công nghệ khối 6 =4t	19	
5	Nguyễn Thị Thu Tinh	TKHĐ,ĐT	7B4	Toán (7B4) = 4 tiết, Tin học K9 =4t	15	
6	Nguyễn Thị Thùy Dương	Con nhỏ=3t, ĐT8	6A1	Toán (6A1,9D1) = 8 tiết; HĐTN,HN6A1= 3 tiết	19	
7	Hoàng Thị Thu		8C2	Toán (7B5, 8C2, 8C3) = 12 tiết; HĐTH,HN 8C2 = 3 tiết;	19	
8	Lê Thị Thắm	CĐ		CNghệ K9D1 = 1 tiết, K7= 5 tiết, CN8C1,2,3,4,5 = 10 tiết	19	
9	Lê Thị Thanh		7B3	Toán (7B3) = 4 tiết; Lý K7= 5 tiết; TN,HN 7B3 = 3 tiết, Công nghệ 9D2,3,4=3t	19	
10	Lê Hồng Nhung	TTCM=3t, ĐT8,9	9D1	N.Văn (9D1,D2,8C1) = 12 tiết	19	
11	Nông Thị Thu Thảo		7B2	N.Văn (7B2,B3) = 8 tiết; Sử 6A1,2=4t	16	
12	Nguyễn Thị Phương Thảo	ĐT,CĐ=1t		N.Văn (6A1, 6A2) = 8 tiết; GDCK8,K9 = 9 tiết	19	
13	Hà Thị Anh Thơ	TPCM = 1tiết, ĐT 8	8C3	N.Văn (8C2,3,9D4) = 12 tiết	17	
14	Nguyễn Thị Bầy		6A4	N.Văn (6A4,C4,5) = 12 tiết; Lịch sử (6A3,4) = 4 tiết	20	
15	Nguyễn Thị Ngọc		7B5	N.Văn (7B5,6A3) = 8 tiết; GDĐP Khối 8= 5 tiết, Sử 7B4,5=2t	19	
16	Đoàn Thị Thanh Huệ	ĐT 8,9		Lịch sử K9 = 4 tiết, K8= 10 tiết; Lịch sử 7B1,2,3= 3 tiết	19	
17	Phạm Thị Lan	ĐT 9	9D3	N.Văn (9D3,7B1) = 8 tiết; GDCK khối 6 = 4 tiết; GDĐP 6A3,4=2t	19	
18	Đỗ Thị Huệ	TTCM=3t, ĐT 9	7B1	NNgữ 9D1= 3t; NNgữ 6A1,7B1,8C1= 9 tiết	19	
19	Nguyễn Ánh Dương			NNgữ (6A3,A4 +7B3,7B4,B5) = 15t; TN,HN 6A4 = 3 tiết; GDĐP 6A2=1t	19	
20	Nguyễn Thị Hương	ĐT 8	9D2	NNgữ 9D2,4; 8C2,7B2 = 12 tiết; NNgữ 6A2=3t;	19	
21	Cao Thị Lan			NNgữ 9D3,8C3,4,5= 12t; HĐTN,HN 9D1,7B4= 6 tiết, GDĐP 6A1=1t	19	
22	Hà Thị Huệ			GDTC K6=8t; GDTCK7=10t;	18	
23	Nguyễn Thị Lương	TPCM=1t, ĐT 8,9		Sinh K9 = 4 tiết ; Sinh K8= 5 tiết; Sinh 7 = 5 tiết; TN,HN 8C4= 3 tiết;	19	
24	Đoàn Thị Hậu		9D4	Hóa 9D4 = 2 tiết; TN,HN 9D4= 3 tiết, Địa lý Khối 8 = 5 tiết, Địa khối 6=4t	18	
25	Phạm Thị Hoàng Hải			Sinh K6= 8t; GDĐP Khối 7= 5 tiết, Hóa 7B3,4,5=6t	19	
26	Hoàng Thị Thảo Ly	CĐ=1t, ĐT 8	8C5	Hóa 8C5, 8C1=4t; Hóa K6= 4 tiết; TH,HN 8C5=3t; Hóa 7B1=2t	19	
27	Phạm Thị Hồng Vân			Nhạc K6,8,9=13t; TN,HN 9D2=3t; TH,HN 7B5=3t	19	
28	Trịnh Thị Thùy	TPT		Nhạc K7 = 5 tiết; HĐTH,HN 9D3 = 3 tiết	19	
29	Trịnh Như Quỳnh			GDTC K9,K8 =18 tiết	18	

BẢNG PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

Thực hiện từ ngày 06 tháng 9 năm 2024

TT	Giáo viên	Kiểm nhiệm	CN	Phân công chuyên môn	Số tiết	Ghi chú
30	Lê Thị Hoa	ĐT 9	8C4	Hóa 9D1,2,3= 6t, Hóa 8C2,3,4 = 6 tiết; Hóa 7B2=2t	19	
31	Nguyễn Thu Vân	ĐT 8,9		Địa lý K7 = 10 tiết; Địa K9= 8 tiết	19	
32	Nguyễn Thị Luyến	TB=3t, ĐT 8,9		Lý K9= 4 tiết, Lý K8= 5 tiết, Lý K6= 4 tiết; TH,HN 6A3=3t	19	
33	Đặng Thị Thảo -HT			GDĐP 9	2	
34	Hoàng Thị Tuyền-PHT			Toán 6A4	4	
36	Ngô Quốc Tuấn	Khánh tiết		Mĩ thuật K6,7,8,9	19	
37	Nguyễn Thị Uyên	GVHD		N.Văn 7B4= 4t; GD CD 7 = 5 tiết	9	
38	Vũ Thị Thanh Minh			Tin học K6= 4t, Tin học 7B3,4,5=3t; Tin học Khối 8=5t, HĐTN,HN 7B2, 8C3=	18	

Lưu ý: GDĐP khối 9 chưa bố trí

HIỆU TRƯỞNG

Đặng Thị Thảo